

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HS-ST

Ngày: 26 - 01 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Huỳnh Trọng Cẩn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Tuyết.

2. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trương Bảo Long, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Cẩm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 290/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C (Tên gọi khác: Xi, Si), sinh ngày 01/5/1972, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: 188 Ngô Đức K2, phường Thuận L4, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Nhân viên hợp đồng Công ty cổ phần Trường P; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C3 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị L5 (Đã chết); anh, chị em ruột có 10 người, bị cáo là con thứ 08 trong gia đình; có vợ Diêu Ái T6, sinh năm 1974; có 03 con, lớn nhất 17 tuổi, nhỏ nhất 09 tuổi.

* **Quá trình nhân thân:** Nhỏ ở với gia đình tại thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, học đến lớp 12/12 thì nghỉ học. Sau đó, vào thành phố Hồ Chí Minh làm thuê.

Ngày 06/12/1994, bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản công dân”; ngày 02/7/1996, chấp hành xong hình phạt tù.

Ngày 25/8/2014, bị Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính, số tiền 2.700.000 đồng, về hành vi “Xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác và người thi hành công vụ”.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt truy nã, tạm giam từ ngày 19/9/2020 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H cho đến nay, bị cáo có mặt.

- Bị hại: Công ty cổ phần Trường P;

Địa chỉ: Số 111 đường Phạm Văn Đ, phường Võ D, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Viết P4, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại theo ủy quyền: Ông Võ Văn S, sinh năm 1967; chức vụ: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Trường P (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/01/2021 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Trường P).

Nơi cư trú: Tổ 4, phường Phú B, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ 13, khu vực 5, phường Võ D, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Đ1, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số 98/01 đường Nguyễn H2, phường Vĩnh N, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Lê Anh D1, sinh năm 1973; nơi cư trú: Số 16/02/73 đường Duy Tân, phường An Cựu, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Lê Trọng L, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số 98/01 đường Nguyễn H2, phường Vĩnh N, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Nhật H3, sinh năm 1970; nơi cư trú: Số 106/12 đường Hải T2, phường An Đ2, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị Phương M, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số 25/3 đường Độc L1, phường Tứ H4, thị xã Hương T3, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

7. Ông Nguyễn Hoàng P1, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số 199 đường Huỳnh Thúc K, phường Phú H5, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Thị Hà N1, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số 65/263 đường Bà T1, phường Phú H6, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

9. Ông Huỳnh Tấn H7, sinh năm 1975; nơi cư trú: Lô 17C, khu quy hoạch C8 đường Phạm Văn K1, phường Thủy D2, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

10. Ông Dương Văn R (Tên gọi khác: Dương Duy L2), sinh năm 1978; nơi cư trú: Số 62/7 đường Điện Biên P2, phường Trường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

11. Ông Trần Phú N2, sinh năm 1969; nơi cư trú: Số 100 đường Đặng Huy T4, phường Phước V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

12. Ông Dương Văn H8, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số 100B đường Nguyễn Lộ T5, phường Xuân P3, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

13. Ông Trần Văn D3, sinh năm 1967; nơi cư trú: Số 104 đường Điện Biên P2, phường Trường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

14. Bà Ngô Thị Thanh H9, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số 01A/170 đường Lý Nam Đ3, phường Hương L3, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

15. Ông Hà Công M9, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ 02, khu vực 1 (Đường Đặng C2), phường Hương S1, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/3/2018, Công ty cổ phần Trường P ký hợp đồng lao động và phân công Nguyễn Văn C làm nhân viên bán hàng thuộc Phòng kinh doanh - kỹ thuật. Nhiệm vụ C được giao là tìm kiếm, thỏa thuận với khách hàng về khối lượng bê tông thương phẩm, giá bán, thời gian đổ bê tông. Sau đó báo thông tin về Công ty để sắp xếp lịch đổ Bê tông. Trên cơ sở báo cáo của C, Công ty sẽ xuất xe cùng bê tông thương phẩm và phân công C giao cho khách hàng, thu tiền của khách hàng nộp lại cho Công ty. Giao hàng xong, C phải thu tối thiểu 70% tiền bán bê tông của khách, sau đó nộp tiền cho Thủ quỹ và thông báo cho Kế toán để chốt công nợ. Số tiền khách nợ còn lại (nếu có), C phải thu và nộp đủ cho Công ty trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao.

Lợi dụng việc Công ty không giám sát việc thu tiền từ khách hàng sau mỗi lần giao bê tông, C chỉ nộp một phần trong tổng số tiền thu được, số tiền còn lại C chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân. Khi Công ty yêu cầu C nộp đủ tiền bán bê tông thì C báo là do khách hàng vẫn chưa trả đủ. Sau đó C bỏ việc. Quá trình điều tra, có đủ căn cứ xác định Nguyễn Văn C thông qua việc đại diện cho Công ty cổ phần Trường P để bán bê tông và đã chiếm đoạt tiền của Công ty như sau:

Vụ thứ nhất: Chị Nguyễn Thị Phương M, hợp đồng đổ bê tông cho công trình tại Lô C207 Khu quy hoạch Gr tại xã Phú M1, huyện Phú V1, tỉnh Thừa Thiên Huế (Chị M - Mỹ T7):

- Ngày 03/8/2018, C thỏa thuận bán 16m³ bê tông với giá 18.700.000 đồng và đã nhận đủ tiền. Theo quy định, C phải nộp cho Công ty 18.400.000 đồng nhưng C chỉ nộp 17.825.000 đồng vào ngày 08/8/2018;

- Ngày 03/9/2018, C thỏa thuận bán 15,5m³ bê tông với giá 18.135.000 đồng và đã nhận đủ tiền. Theo quy định, C phải nộp cho Công ty 17.250.000 đồng nhưng C chỉ nộp 12.000.000 đồng vào ngày 06/9/2018;

- Ngày 04/10/2018, C thỏa thuận bán 09m³ bê tông với giá 13.200.000 đồng và đã nhận đủ tiền. Theo quy định, C phải nộp cho Công ty 11.850.000 đồng nhưng C chỉ nộp 10.000.000 đồng vào ngày 04/10/2018.

Tổng cộng số tiền C đã thu của chị M là 50.035.000 đồng; số tiền phải nộp cho Công ty cổ phần Trường P là 47.500.000 đồng nhưng C chỉ nộp cho Công ty 39.825.000 đồng, chiếm đoạt 7.675.000 đồng.

Vụ thứ hai: Anh Dương Văn H8, hợp đồng đổ bê tông cho công trình tại 107A Nguyễn Lộ T5 (anh H8- Nguyễn Lộ T5):

- Ngày 18/4/2018, C thỏa thuận bán 20m³ bê tông theo giá quy định là 24.600.000 đồng. C đã nhận 70% tiền bê tông là 17.000.000 đồng nhưng chỉ nộp cho Công ty 15.000.000 đồng vào ngày 21/4/2018;

- Ngày 27/8/2018, C đã nhận 30% tiền bê tông còn lại là 7.600.000 đồng từ anh H8 nhưng chỉ nộp cho Công ty 5.000.000 đồng vào ngày 15/10/2018.

Tổng cộng số tiền C phải thu cho Công ty cổ phần Trường P là 24.600.000 đồng và đã thu đủ nhưng chỉ nộp cho Công ty 20.000.000 đồng, chiếm đoạt 4.600.000 đồng.

Vụ thứ ba: Anh Nguyễn Hoàng P1, hợp đồng đổ bê tông cho công trình tại 180 Phạm Văn Đồng, thành phố H (anh P1 - Ngọc A9):

- Ngày 15/10/2018, C thỏa thuận bán 26,5m³ bê tông với giá 30.475.000 đồng. C đã nhận đủ tiền nhưng chỉ nộp 20.000.000 đồng cho Công ty vào ngày 15/10/2018;

- Ngày 25/10/2018, C thỏa thuận bán 9,5m³ bê tông với giá 12.425.000 đồng. C đã nhận anh của P1 10.925.000 đồng vào ngày 25/10/2018, nhưng không nộp cho Công ty;

- Ngày 10/11/2018, C thỏa thuận bán 23m³ bê tông với giá 28.290.000 đồng và đã nhận của P1 số tiền 31.365.000 đồng nhưng chỉ nộp cho Công ty 30.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền C đã thu của anh P1 72.765.000 đồng; số tiền C phải nộp cho Công ty cổ phần Trường P là 71.190.000 đồng nhưng C chỉ nộp cho Công ty 50.000.000 đồng, chiếm đoạt 21.190.000 đồng.

Vụ thứ tư: Anh Dương Văn R, hợp đồng đổ bê tông cho công trình tại khu đô thị Mỹ T7, xã Phú M8, huyện Phú V1, tỉnh Thừa Thiên Huế (Anh L2 - Mỹ T7). Ngày 28/10/2018, C thỏa thuận bán 24,5m³ bê tông theo giá quy định là 28.175.000 đồng. C đã nhận đủ tiền nhưng không nộp mà chiếm đoạt hết.

Vụ thứ năm: Chị Nguyễn Thị Hà N1, hợp đồng đổ bê tông cho công trình tại 65/236 Bà T8, thành phố H (chị H10 - Hà N1 - Hồ trái tim). Ngày 28/10/2018, C thỏa thuận bán 11m³ bê tông theo giá quy định là 12.650.000 đồng. C đã nhận đủ tiền nhưng không nộp mà chiếm đoạt hết.

Vụ thứ sáu: Anh Trần Phú N2, hợp đồng đổ bê tông cho công trình tại thôn Kim S2, xã Thủy B1, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế (Anh Ng - Biệt phủ Thảo N3). Ngày 10/10/2018, C thỏa thuận bán 14m³ bê tông với giá 15.400.000 đồng. C đã nhận đủ tiền nhưng chỉ nộp 10.000.000 đồng vào ngày 15/10/2018, chiếm đoạt 5.400.000 đồng.

Vụ thứ bảy: Anh Huỳnh Tấn H7, hợp đồng đổ bê tông cho công trình tại đường Trần Thái T9, thành phố H (anh H8- Thanh H8- H7). Ngày 02/12/2018, C thỏa thuận bán 11,5m³ bê tông với giá là 14.145.000 đồng. C đã nhận đủ tiền nhưng không nộp mà chiếm đoạt hết.

Vụ thứ tám: Anh Trần Văn D3, hợp đồng đổ bê tông cho công trình tại Lô A17, Khu quy hoạch Trường A, phường Trường A, thành phố H (Anh D3 - Trường A):

- Ngày 22/3/2018 và 30/3/2018, C thỏa thuận bán 53m³ bê tông với giá 72.910.000 đồng. Ngày 30/3/2018, anh D3 trả 70.120.000 đồng và C đã nộp đủ cho công ty số tiền này;

- Ngày 08/4/2018 và 17/4/2018, C thỏa thuận bán 28m³ bê tông với giá 35.360.000 đồng. Ngày 17/4/2018, D3 trả 38.100.000 đồng. C đã nộp cho công ty 36.100.000 đồng vào ngày 18/4/2018;

- Ngày 28/4/2018, C thỏa thuận bán 15,5m³ bê tông với giá 19.360.000 đồng, anh D3 đã trả 22.600.000 đồng. C đã nộp cho Công ty 22.300.000 đồng vào ngày 02/5/2018;

- Ngày 16/5/2018 và ngày 07/6/2018 C thỏa thuận bán 47m³ bê tông với giá 60.380.000 đồng. Ngày 07/6/2018, anh D3 trả 62.360.000 đồng. C đã nộp 50.000.000 đồng vào ngày 07/6/2018;

- Ngày 22/6/2018, C thỏa thuận bán 17m³ bê tông với giá 23.930.000 đồng. Anh D3 đã trả 25.000.000 đồng. C đã nộp cho Công ty 22.000.000 đồng vào ngày 23/6/2018;

Ngày 19/7/2018, C nộp cho Công ty số tiền 9.830.000 đồng.

Tổng cộng số tiền C đã thu của anh D3 là 218.180.000 đồng; số tiền C phải nộp cho Công ty cổ phần Trường P là 211.940.000 đồng nhưng C chỉ nộp cho Công ty 210.350.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 1.590.000 đồng.

Vụ thứ chín: Chị Ngô Thị Thanh H9, hợp đồng đổ bê tông cho công trình tại 170 Lý Nam Đ3, thành phố H (Chị H9 - Lý Nam Đ3):

- Ngày 30/10/2018, C thỏa thuận bán 20m³ bê tông với giá 23.600.000 đồng. C đã nhận đủ tiền nhưng chỉ nộp cho Công ty 23.100.000 đồng;

- Ngày 14/11/2018, C thỏa thuận bán 17m³ bê tông với giá 20.060.000 đồng. C đã nhận đủ tiền nhưng không nộp cho Công ty.

Tổng cộng số tiền C phải thu cho Công ty cổ phần Trường P là 64.310.000 đồng và đã thu đủ nhưng chỉ nộp cho Công ty 44.660.000 đồng, chiếm đoạt 20.650.000 đồng.

Vụ thứ 10: Anh Hà Công M9, hợp đồng đổ bê tông cho công trình tại Lô A200, tỉnh lộ 10, xã Phú T10, huyện Phú V1, tỉnh Thừa Thiên Huế (Anh M9 - Mỹ T7). Ngày 26/5/2018, C thỏa thuận bán 14m³ bê tông với giá 16.100.000 đồng. C đã thu đủ tiền nhưng chỉ nộp cho Công ty 10.000.000 đồng vào ngày 11/6/2018, chiếm đoạt 6.100.000 đồng;

Như vậy, từ tháng 3/2018 đến tháng 12/2018, Nguyễn Văn C đã thu cho Công ty cổ phần Trường P tiền đổ bê tông thương phẩm của 10 khách hàng là cá nhân tổng số tiền là 506.010.000 đồng. C chỉ nộp lại cho Công ty 383.835.000 đồng, số tiền còn lại là 122.175.000 đồng, C chiếm đoạt rồi bỏ việc và bỏ trốn, đến ngày 19/9/2020 thì C bị bắt theo Quyết định truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H.

** Vật chứng, tài liệu thu giữ:*

- 01 (một) Phiếu thu ghi ngày 07/7/2018, có chữ ký và chữ viết in bằng giấy than;

- 01 (một) Phiếu thu ghi ngày 03/8/2018, có chữ ký và chữ viết in bằng giấy than;

- 01 (một) Phiếu thu ghi ngày 04/10/2018, có chữ ký và chữ viết in bằng giấy than;

- 01 (một) Phiếu giao bê tông ghi ngày 03/9/2018, có phần chữ ký và chữ viết với nội dung: “Có nhận: 17.825.000đ - Mười bảy triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng - Nguyễn Văn C” ở mặt sau.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H còn thu giữ thêm nhiều tài liệu, chứng từ để xác định số khối lượng bê tông thông qua C, Công ty cổ phần Trường P đã giao cho khách hàng, số tiền mà khách hàng đã thanh toán cho C và số tiền mà C đã thực nộp lại cho Công ty.

Tại Bản kết luận giám định số 296/GĐ ngày 05/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận:

1. Chữ viết mang tên Nguyễn Văn C trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 đến A4 so với chữ viết đứng tên Nguyễn Văn C trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người viết ra.

2. Chữ ký mang tên Nguyễn Văn C trên tài liệu cần giám định ký hiệu A4 so với chữ ký đứng tên Nguyễn Văn C trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký ra.

3. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Nguyễn Văn C trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ ký đứng tên Nguyễn Văn C trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 có phải do cùng một người ký ra hay không.

** Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:*

Ông Nguyễn Viết P4 là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Trường P yêu cầu Nguyễn Văn C bồi thường số tiền 122.175.000 đồng mà C đã chiếm đoạt. C chưa bồi thường.

Đối với các giấy tờ đã thu giữ, cần lưu theo hồ sơ vụ án để đảm bảo cho việc xét xử.

Tại bản cáo trạng số 301/CT-VKS-HS ngày 26/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn C (Tên gọi khác: SX) về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H vẫn giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C (Tên gọi khác: SX) phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; xử phạt Nguyễn Văn C (Tên gọi khác: SX) từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giam 19/9/2020.

* *Về trách nhiệm dân sự:* Buộc bị cáo Nguyễn Văn C (Tên gọi khác: SX) phải bồi thường cho Công ty cổ phần Trường P với tổng số tiền mà C đã chiếm đoạt là 122.175.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)

* *Về án phí hình sự và án phí sơ dân sự thẩm:* Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Nguyễn Văn C (Tên gọi khác: SX) phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác được thu thập tại hồ sơ vụ án, quá trình xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa đã làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 3 năm 2018 đến tháng 12 năm 2018, Nguyễn Văn C là nhân viên bán hàng của Công ty cổ phần Trường P, lợi dụng nhiệm vụ của Công ty giao là giao bê tông thương phẩm và thu tiền của khách hàng, C đã thu tiền của 10 khách hàng là cá nhân với tổng số tiền là 506.010.000 đồng, Nguyễn Văn C chỉ nộp lại 383.835.000 đồng, số tiền còn lại là 122.175.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) C chiếm đoạt để sử dụng chi tiêu cá nhân. Với hành vi nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn C (Tên gọi khác: SX) về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến tài sản của Công ty cổ phần Trường P được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình hoạt

động sản xuất và làm mất uy tín của khách hàng. Sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn, gây khó khăn cho việc điều tra, giải quyết vụ án. Mặt khác bị cáo có nhân thân xấu đã bị Tòa án xử phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” và đã bị Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác và người thi hành công vụ”. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên”, bởi vì mỗi lần phạm tội đều cấu thành một tội phạm độc. Bởi vậy, đối với Nguyễn Văn C cần xét xử nghiêm và cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo đồng thời răn đe và phòng ngừa tội phạm. Khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

* Trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 122.175.000 đồng mà Nguyễn Văn C đã chiếm đoạt của Công ty cổ phần Trường P, nay Công ty yêu cầu C phải bồi thường số tiền này cho Công ty. Xét việc yêu cầu bồi thường của Công ty cổ phần Trường P là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận: Buộc bị cáo Nguyễn Văn C (Tên gọi khác: SX) phải bồi thường cho Công ty cổ phần Trường P số tiền 122.175.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) mà bị cáo đã chiếm đoạt.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn C (Tên gọi khác: SX) phải chịu 122.175.000 đồng x 5% = 6.108.750 đồng (Sáu triệu một trăm lẻ tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn C (Tên gọi khác: SX) phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C (Tên gọi khác: SX) phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt Nguyễn Văn C (Tên gọi khác: SX) 03 (Ba) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giam 19/9/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Văn C (Tên gọi khác: SX) phải

bồi thường cho Công ty cổ phần Trường P số tiền 122.175.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Văn C (Tên gọi khác: SX) phải chịu 6.108.750 đồng (Sáu triệu một trăm lẻ tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh TT Huế;
- VKSND thành phố H;
- Công an thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Trọng Cẩn